TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HỚN QUẢN** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2017/HNGĐ-ST
Ngày 28 tháng 9 năm 2017
V/v *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỚN QUẢN, TỈNH BÌNH PHƯỚC

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Nhum
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Trần Công Tài
2. Ông Trịnh Văn Đoan

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Hoàng Oanh – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Hữu Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 225/2017/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2017 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử 57/2017/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2017/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 9 năm 2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị A, sinh năm 1995 (có mặt)
Địa chỉ: Tổ a, ấp b, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước
- *Bị đơn:* Anh T, sinh năm 1993 (vắng mặt)
Địa chỉ: Tổ c, ấp d, xã T, huyện H, Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 03/7/2017 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn A trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị A và anh T sau thời gian tìm hiểu đã tự nguyện kết hôn vào năm 2015, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã Tg, huyện H, tỉnh Bình Phước. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được hai năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do có nhiều khác biệt trong quan điểm sống, cách sống, anh T sử dụng ma túy, không lo cho gia đình dẫn đến thường xuyên cãi vã và vợ chồng ly thân từ tháng 10 năm 2016 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị A yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh T.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, vợ chồng có hai người con chung tên TA, sinh ngày 08/9/2015 và N, sinh ngày 12/3/2017, hiện cháu N đang ở chung với chị A còn cháu TA ở chung với anh T. Khi ly hôn, chị A yêu cầu giao cháu N cho chị trực tiếp nuôi dưỡng. giao cháu TA cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành mà không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh T và chị A không có tài sản chung, không thiếu nợ ai và không ai nợ vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn T vắng mặt nên không ý kiến.

Tại phiên tòa, nguyên đơn A giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Kiểm sát viên phát biểu: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của pháp luật; nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Qua xác minh tại địa phương cho thấy anh T nghiện ma túy, không lo làm ăn và vợ chồng đã ly thân nên đề nghị Hội đồng xét xử cho chị A ly hôn với anh T. Về con chung, cháu N dưới 36 tháng tuổi, đang ở chung với chị A và cháu TA đang ở với anh T, các cháu đang sống ổn định nên đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu N cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu TA cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành mà không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng: Chị A khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con với anh T đang cư trú tại tổ c, ấp d, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tuy vắng mặt nhưng anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nên Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan hệ hôn nhân: Mặc dù anh T không trình bày ý kiến về quan hệ hôn nhân và nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng nhưng căn cứ vào lời khai của chị A, tài liệu có trong hồ sơ vụ án và kết quả xác minh tại Công an xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước; Ban điều hành ấp c và bà H - mẹ ruột của anh T thì Hội đồng xét xử có căn cứ xác định anh T và chị A tự nguyện kết hôn có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước vào ngày 19/01/2015 theo giấy chứng nhận kết hôn số 06/2015 quyển số 01/2014. Vợ chồng sống hạnh phúc được hai năm thì phát sinh mâu thuẫn và ly thân cho đến nay, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T nghiện ma túy, hai bên chưa có sự thấu hiểu dẫn đến tranh cãi, gia đình hai bên đã nhiều lần hòa giải nhưng không được; chị A khẳng định không còn tình cảm với anh T, sau

khi ly thân và chị A nộp đơn ly hôn đến Tòa án nhưng anh T không có hành động hàn gắn cho thấy tình cảm vợ chồng giữa anh T và chị A không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của chị A có căn cứ, được chấp nhận.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, anh T và chị A có hai người con chung tên TA, sinh ngày 08/9/2015 và N, sinh ngày 12/3/2017, hiện cháu TA đang ở với anh T và cháu N đang ở với chị A. Khi ly hôn, chị A yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu N và anh T trực tiếp nuôi cháu TA cho đến khi trưởng thành mà không ai phải cấp dưỡng nuôi con, anh T không có yêu cầu. Nhận thấy, cháu N dưới 36 tháng tuổi và đang ở với chị A, còn cháu TA đang ở với anh T và các cháu vẫn được nuôi dạy bình thường, đảm bảo cuộc sống nên yêu cầu của chị A được chấp nhận.

Chị A, anh T có quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích mọi mặt của con chưa thành niên, anh T và chị A có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị A xác định vợ chồng không có tài san chung, không thiếu nợ ai và không ai nợ vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh T không có yêu cầu. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

Ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, được chấp nhận.

Về án phí sơ thẩm: Chị A phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, các điều 35, 39, 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 19, 45, 56, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 và 119 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* của chị A, tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị A, sinh năm 1995; trú tại tổ a, ấp b, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước được ly hôn với anh T, sinh năm 1993; trú tại tổ c, ấp d, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước.

Giấy chứng nhận kết hôn số 06/2015 quyển số 01/2014 ngày 19/01/2015 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Giao cháu TA, sinh ngày 08/9/2015 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu N, sinh ngày 12/3/2017 cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi mà không ai phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Chị A, anh T có quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích mọi mặt của con chưa thành niên, anh T và chị A có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

3. Về án phí: Chị A phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự không có giá ngạch, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị A đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012215 ngày 04/7/2017.

4. Về quyền kháng cáo: Chị A có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, anh T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Hớn Quản;
- Chi cục THADS huyện Hớn Quản;
- UBND xã T, huyện Hớn Quản;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Văn Nhum